

CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

Lê Cẩm^(*)

I. Cách đặt vấn đề

1. Công cuộc cải cách tư pháp (CCTP) ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền (NNPQ) XHCN của dân, do dân và vì dân hiện nay cho thấy, trên cơ sở các nguyên tắc được thừa nhận chung của NNPQ, đồng thời từ thực tiễn xã hội nói chung và thực tiễn pháp lý nói riêng để xác định *những phương hướng cơ bản* (PHCB) của công cuộc CCTP sao cho đảm bảo tính *khoa học, khả thi, đáp ứng được những điều kiện cụ thể* (về kinh tế - xã hội, chính trị, văn hóa - pháp lý, lịch sử - truyền thống v.v...) của đất nước, cũng như *phù hợp với các nguyên tắc và các quy phạm được thừa nhận chung của pháp luật quốc tế* là việc làm có ý nghĩa quan trọng và cấp bách không chỉ về mặt xã hội - chính trị và pháp lý, mà cả về mặt lý luận và thực tiễn trên các bình diện chủ yếu dưới đây.

Một là, trong giai đoạn tìm kiếm các biện pháp & con đường để xây dựng NNPQ Việt Nam hiện nay việc tôn trọng & bảo vệ các quyền, tự do của con người với tính chất là các giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại nếu như không được bảo vệ bằng hệ thống Tòa án công minh, độc lập & chỉ tuân theo pháp luật, thì cũng không thể nói gì đến việc xây dựng thành công NNPQ.

Hai là, hiện nay trong KHPL Việt Nam xung quanh những vấn đề về CCTP vẫn

còn nhiều quan điểm rất khác nhau (thậm chí trái ngược nhau) đòi hỏi phải được giải quyết để làm sáng tỏ một cách có căn cứ, xác đáng và đảm bảo sự nhận thức - khoa học thống nhất như: 1) Mục tiêu, đối tượng và những PHCB của CCTP ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ là gì; 2) Các giải pháp đồng bộ để thực hiện những PHCB của CCTP ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ bao gồm những nội dung nào; 3) Các khái niệm trong lĩnh vực CCTP - “*tư pháp*”, “*quyền tư pháp*”, “*sự kiểm tra của quyền tư pháp*”, “*hệ thống tư pháp*”, “*cơ quan tư pháp*”, “*hoạt động tư pháp*”, “*cơ quan bảo vệ pháp luật*”, “*cơ quan hỗ trợ tư pháp*” là gì v.v...

Và cuối cùng, *ba là*, sự độc lập của quyền tư pháp và sự kiểm tra của nó đối với hai nhánh quyền lực khác (quyền *lập pháp* và quyền *hành pháp*), cũng như sự vận hành có hiệu quả của cơ chế *phối hợp và chế ước* (hay còn gọi là cơ chế *kìm hãm và đối trọng* với nhau của ba nhánh quyền lực đã nêu nhằm góp phần biến các nguyên tắc được thừa nhận chung của NNPQ vào đời sống hiện thực chính là một trong những điều kiện cần thiết và quan trọng đảm bảo cho sự thành công của công cuộc CCTP nói riêng và xây dựng NNPQ nói chung ở Việt Nam.

2. Như vậy, tất cả các bình diện được phân tích trên đây không chỉ cho phép khẳng định sự cần thiết cấp bách của việc

^(*) TSKH., Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

ngiên cứu những vấn đề lý luận cấp bách về CCTP ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ, mà còn là lý do luận chứng cho tên gọi của bài báo này. Tuy nhiên, do tính chất đa dạng, phức tạp và nhiều khía cạnh xung quanh những vấn đề về CCTP trong giai đoạn xây dựng NNPQ và sự hạn chế số trang của một bài viết đăng trên tạp chí khoa học (vì thực ra ngay mỗi phạm trù, mỗi khái niệm đã nêu như “*tư pháp*”, “*quyền tư pháp*”, “*hệ thống tư pháp*”, “*cơ quan tư pháp*” v.v... cũng có thể trở thành một đối tượng nghiên cứu khoa học riêng biệt và được đề cập trong nhiều cuốn sách chuyên khảo khác nhau), nên trong phạm vi bài báo này chúng tôi chỉ có thể đề cập đến những vấn đề nào theo quan điểm của chúng tôi là chủ yếu và quan trọng hơn cả, mà cụ thể là hai nhóm vấn đề sau đây: 1) *Mục tiêu, đối tượng và những PHCB của CCTP ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ là gì và*; 2) *Các giải pháp đồng bộ để thực hiện những PHCB của CCTP ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ.*

II. Nội dung vấn đề

A. Mục tiêu, đối tượng và những PHCB của CCTP ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ

Về mặt phương pháp luận, thì việc xác định ba phạm trù - *mục tiêu* (1), *đối tượng* (3) và *những PHCB* (3) của CCTP ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ - theo quan điểm của chúng tôi là: phải đảm bảo được tính logic và nhất quán. Nói một cách khác, *các khái niệm* của ba phạm trù này *phải thống nhất và xoay quanh một trục duy nhất* - đó là kết quả cuối cùng mà nhân dân ta mong muốn đạt được bằng việc thực hiện CCTP trong giai đoạn xây dựng NNPQ Việt Nam là gì. Với cách tiếp cận vấn đề như vậy, dưới đây chúng ta sẽ

lần lượt xem xét và chỉ ra nội hàm của ba khái niệm này.

1. Mục tiêu của CCTP. Nếu như CCTP là một quá trình cải biến cách mạng lâu dài, khó khăn và phức tạp, đồng thời là một quá trình nhận thức - khoa học có tính logic trong lĩnh vực Nhà nước và pháp luật, thì khái niệm *mục tiêu* của CCTP ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ có thể được hiểu là *kết quả cuối cùng với tính chất là các chế định pháp lý và các giá trị tinh thần cao quý nhất của nền văn minh nhân loại trong NNPQ mà nhân dân ta mong muốn đạt được bằng việc thực hiện CCTP.* Xuất phát từ khái niệm này, CCTP ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ, theo quan điểm của chúng tôi, phải góp phần đạt được *bốn mục tiêu* chủ yếu dưới đây.

a. Bằng CCTP phải góp phần *nâng cao ý thức pháp luật để đảm bảo tốt sự nhận thức - khoa học thống nhất* trong giới luật học nói riêng và trong toàn xã hội nói chung về sự cần thiết tất yếu của các khái niệm, các phạm trù và các chế định pháp lý có liên quan đến lĩnh vực tư pháp mà chúng không thể nào thiếu được trong một NNPQ đích thực như: sự độc lập thực sự của quyền tư pháp, Tòa án Hiến pháp, chế định kiểm tra Hiến pháp, sự kiểm tra của Tòa án đối với quyền lập pháp và quyền hành pháp, sự tôn trọng thực sự từ phía quyền lực Nhà nước và sự bảo vệ bằng hệ thống Tòa án công minh, độc lập và chỉ tuân theo pháp luật đối với các quyền và tự do của con người v.v...

b. Bằng CCTP phải góp phần làm cho *nhánh quyền lực tư pháp được tổ chức một cách khoa học, khả thi và độc lập để đảm bảo việc thực hiện tốt*: 1) hoạt động tố tụng về Hiến pháp đối với các văn bản vi hiến và các hành vi được thực hiện trên cơ sở các

văn bản vi hiến; 2) sự kiểm tra của quyền *tư pháp* đối với tính hợp hiến của các văn bản do các cơ quan quyền lực Nhà nước, các tổ chức xã hội, các lực lượng vũ trang và những người có chức vụ ban hành - sự kiểm tra của Tòa án đối với hai nhánh quyền lực khác (quyền *lập pháp* và quyền *hành pháp*); 3) sự vận hành có hiệu quả và đồng bộ của cơ chế *phối hợp, phân công và chế ước* của ba nhánh quyền lực đã nêu nhằm góp phần biến các nguyên tắc được thừa nhận chung của NNPQ vào đời sống hiện thực.

c. Bằng CCTP phải góp phần làm cho: 1) cơ sở của quyền lực Nhà nước *thực sự là ý chí của nhân dân* - chủ quyền của nhân dân phải cao hơn chủ quyền của Nhà nước; 2) *Hiến pháp và các luật phải là tối thượng* trong toàn bộ hoạt động thực tiễn của bộ máy công quyền; 4) *các quyền và tự do của con người được đảm bảo bằng các cơ chế pháp lý hữu hiệu và đồng bộ tránh khỏi sự lạm quyền, độc đoán và tùy tiện* của các quan chức trong bộ máy công quyền - phải được ghi nhận chính xác về mặt *lập pháp*, thi hành đầy đủ trên thực tế về mặt *hành pháp* và bảo vệ vững chắc về mặt *tư pháp*.

d. Và cuối cùng, *bốn là*, bằng CCTP phải góp phần *đổi mới và làm cho hệ thống pháp luật của Việt Nam ngày càng hoàn thiện* để không chỉ phù hợp với những điều kiện cụ thể của đất nước, mà còn phù hợp với các nguyên tắc và các quy phạm được thừa nhận chung của pháp luật quốc tế, nhằm xây dựng và củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân vào sức mạnh của bộ máy Nhà nước nói chung và hệ thống tư pháp nói riêng, cũng như vào pháp chế và sự công minh của pháp luật trong NNPQ.

2. Đối tượng của CCTP ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ cần phải

được hiểu đầy đủ trên hai bình diện (theo hai nghĩa) - hẹp và rộng dưới đây:

a. Trước hết, nếu như hiểu trên bình diện (theo nghĩa) *hẹp*, thì *đối tượng* của CCTP ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ - đó là *là toàn bộ hệ thống và hoạt động thực tiễn của Tòa án, đội ngũ thẩm phán và các quy định của pháp luật có liên quan mà CCTP tác động đến để đạt được kết quả cuối cùng với tính chất là các chế định pháp lý và các giá trị tinh thần cao quý nhất của nền văn minh nhân loại trong NNPQ*.

b. Còn nếu như hiểu trên bình diện (theo nghĩa) *rộng*, thì *đối tượng* của CCTP ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ - đó là *toàn bộ hệ thống Tòa án, hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật, hệ thống các cơ quan bổ trợ tư pháp, hoạt động thực tiễn và đội ngũ cán bộ của ba hệ thống các cơ quan này, cũng như các quy định của pháp luật có liên quan mà CCTP tác động đến để đạt được kết quả cuối cùng với tính chất là các chế định pháp lý và các giá trị tinh thần cao quý nhất của nền văn minh nhân loại trong NNPQ*.

3. Những PHCB của CCTP ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ có thể được hiểu là *những nhiệm vụ chủ yếu được xác định cho toàn bộ quá trình CCTP mà việc thực hiện chúng sẽ đem lại kết quả cuối cùng với tính chất là các chế định pháp lý và các giá trị tinh thần cao quý nhất của nền văn minh nhân loại trong NNPQ mà nhân dân ta mong muốn đạt được*. Trên cơ sở khái niệm này, xuất phát từ mục tiêu và đối tượng của CCTP, đồng thời nghiên cứu thực tiễn xã hội nói chung và thực tiễn pháp lý nói riêng, cũng như căn cứ vào sự phát triển của các quan hệ xã hội đang hình thành ở nước ta, theo chúng tôi có thể xác định *năm PHCB* của

CCTP ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ hiện nay là:

a. Cải cách hệ thống *Tòa án nhân dân* (TAND) của Việt Nam.

b. Cải cách hệ thống các cơ quan *bảo vệ pháp luật* (BVPL) của Việt Nam, tức là 12 loại cơ quan như: 1) Viện công tố; 2) Điều tra; 3) Thi hành án; 4) Công an; 5) Thanh tra; 6) Hải quan; 7) Bộ tư pháp; 8) Kiểm lâm; 9) Cảnh sát Thuế (trong hệ thống này cần sát nhập cả các cơ quan Quản lý thị trường); 10) Kiểm toán; 11) Bộ đội biên phòng và; 12) Cảnh sát biển.

c. Cải cách hệ thống các cơ quan *bổ trợ tư pháp* (BTrTP) của Việt Nam, tức là các loại cơ quan, tổ chức như: 1) Tổ chức Luật sư; 2) Các cơ quan Công chứng; 3) Các cơ quan Hộ tịch và; 4) Các cơ quan Giám định tư pháp.

d. Nâng cao năng lực *đội ngũ cán bộ và đảm bảo sự phối hợp đồng bộ* trong hoạt động thực tiễn của hệ thống Tòa án & hệ thống các cơ quan BVPL nhằm tăng cường hơn nữa *hiệu quả xét xử của Tòa án*.

e. Đổi mới và hoàn thiện *các quy định của pháp luật* liên quan đến lĩnh vực tư pháp.

B. Các giải pháp để thực hiện những PHCB của CCTP ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ

1. Cải cách hệ thống TAND là PHCB đầu tiên & quan trọng nhất (theo quan điểm của chúng tôi) của CCTP ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ cần được triển khai theo các giải pháp đồng bộ dưới đây.

a. Ban hành Luật "*Về Tòa án Hiến pháp của Việt Nam*" mà trong Luật này cần ghi nhận đầy đủ những vấn đề về tổ chức và hoạt động của *cơ quan tài phán chuyên trách hoạt động tố tụng tư pháp về Hiến pháp* để bảo đảm cho việc thực thi có hiệu quả chế định kiểm tra Hiến pháp của

nhánh quyền *tư pháp* ở nước ta. Trong Luật này cần điều chỉnh *ba* nhóm vấn đề cơ bản như sau:

- Nhóm những vấn đề liên quan đến việc *tổ chức* của Tòa án Hiến pháp (TAHP) bao gồm: a) Vị trí pháp lý của TAHP trong hệ thống các cơ quan của bộ máy quyền lực Nhà nước, thẩm quyền và những nguyên tắc cơ bản hoạt động của TAHP; b) Quy chế pháp lý của các Thẩm phán TAHP; c) Cơ cấu và tổ chức hoạt động của TAHP; d) Quan hệ phối hợp và chế ước của TAHP với các cơ quan khác trong bộ máy quyền lực Nhà nước ở TW thuộc ba nhánh quyền lực (như Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ và TANDTC).

- Nhóm những vấn đề liên quan đến *hoạt động* của TAHP bao gồm: a) Những nguyên tắc của việc kiểm tra Hiến pháp; b) Những căn cứ để kiểm tra Hiến pháp; c) Thủ tục và trình tự kiểm tra Hiến pháp; d) Những nguyên tắc của việc kiểm tra các văn bản luật và dưới luật; e) Những căn cứ để kiểm tra các văn bản luật và dưới luật; f) Thủ tục và trình tự kiểm tra các văn bản luật và dưới luật; g) Các quyết định của TAHP và hậu quả pháp lý của chúng.

- Nhóm những vấn đề liên quan đến *các đặc điểm tố tụng* của TAHP bao gồm: a) Vấn đề đưa ra các giải thích thống nhất của TAHP các quy định của Hiến pháp và tính bắt buộc của chúng trên lãnh thổ toàn quốc; b) Xem xét sự phù hợp với Hiến pháp của các Hiệp ước quốc tế mà Việt Nam ký kết (nhưng chưa có hiệu lực); c) Xem xét các tranh chấp về thẩm quyền của cơ quan khác trong bộ máy quyền lực Nhà nước ở TW thuộc ba nhánh quyền lực (như Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ và TANDTC); d) Xem xét các vụ việc khiếu nại về sự xâm phạm các quyền và tự do hiến định của công dân; đ) Xem xét sự phù

hợp với Hiến pháp của các văn bản luật theo các đề nghị của các Tòa án chung; e) Xem xét và kết luận về việc tuân thủ đúng (hay không) thủ tục và trình tự do luật định của các quyết định liên quan đến việc khởi tố vụ án hình sự, cáo trạng hoặc bản án đối với những người có chức vụ cao nhất trong bộ máy quyền lực nhà nước (ví dụ: Chủ tịch Quốc, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ và Chánh án TANDTC).

b. Sửa đổi, bổ sung Luật *Tổ chức TAND* (năm 2002) và gọi tên là Luật “*Về hệ thống Tòa án chung của Việt Nam*”, thì mới đảm bảo được tính chính xác (Luật đó không chỉ đề cập đến vấn đề “*tổ chức*” mà thôi) và điều chỉnh được đầy đủ tất cả những vấn đề liên quan đến hệ thống Tòa án chung (vì TAHP đã có một Luật riêng điều chỉnh như đã nêu trên). Trong Luật này cần phải đặt tên gọi riêng biệt cho từng điều (chứ không nên để tình trạng thiếu khoa học về mặt kỹ thuật lập pháp như trong Luật hiện hành, cũng như trong rất nhiều văn bản pháp luật hiện hành khác của nước ta - khi tất cả các điều luật không có tên gọi!) và điều chỉnh đầy đủ những vấn đề về:

- Tổ chức và hoạt động của tất cả các TAND và TAQS trên lãnh thổ cả nước.

- Địa vị pháp lý của thẩm phán và hội thẩm nhân dân.

- Sự kiểm tra của Tòa án đối với việc vi phạm các quyền và tự do của con người và của công dân trong các văn bản quy phạm pháp luật của nhánh quyền hành pháp.

- Tổ chức thêm Tòa án vị thành niên để xét xử tất cả các vụ án có liên quan đến những người chưa thành niên. Cần khắc phục tình trạng thiếu thống nhất và thiếu đồng bộ như hiện nay là: hệ thống TAND thì được điều chỉnh bằng Luật, nhưng hệ thống TAQS, cũng như địa vị pháp lý của

thẩm phán và hội thẩm (nhân dân và QS) - lại bằng các *Pháp lệnh* (!).

- Năm chức năng cơ bản của Tòa án như: a) *Giải thích các quy phạm pháp luật (mà trước hết là giải thích Hiến pháp)* để bảo đảm tính thống nhất và hiệu lực của việc áp dụng các quy phạm đó trên toàn bộ lãnh thổ của quốc gia; b) Thực hiện thẩm quyền xét xử, tức là tiến hành hoạt động tố tụng tư pháp (tài phán) về Hiến pháp, hành chính, hình sự, dân sự và kinh tế (trọng tài); c) *Giám sát của Tòa án đối với tính hợp pháp và có căn cứ của việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế Nhà nước có tính chất tố tụng*, tức là thực hiện sự kiểm tra của Tòa án đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật (bao gồm cả sự kiểm tra của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới) trong việc áp dụng các chế tài về hành chính, tố tụng hình sự (TTHS), hình sự v.v...; d) *Xác nhận chính thức các sự kiện (hành vi) có ý nghĩa pháp lý trong các lĩnh vực của đời sống xã hội hoặc hạn chế quyền chủ thể tương ứng (về mặt hiến định, dân sự, v.v...) của các công dân trong quá trình giải quyết các mối quan hệ xã hội*. Chẳng hạn, trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự, thì không thể bằng văn bản nào khác (dù đó là văn bản của cơ quan quyền lực hay của người có chức vụ cao nhất), mà chỉ có bằng bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án mới có thể hạn chế, tước một số quyền công dân của người bị kết án về tội phạm tương ứng mà người đó đã thực hiện.

c. Ban hành Luật “*Về khiếu nại đến Tòa án những hành vi (quyết định) đã xâm phạm đến các quyền và tự do của công dân*”. Luật này có thể được coi là tấm lá chắn thép để bảo vệ các quyền con người trong NN PQ và chính vì vậy, nhất thiết chúng ta cần sớm ban hành Luật này nếu

chúng ta thực sự mong muốn cho thành công của công cuộc CCTP và xây dựng một NNPQ đích thực là của dân, do dân và vì dân. Luật này cần phải điều chỉnh những vấn đề sau đây:

- Quyền của mỗi công dân khiếu nại đến tòa án nếu như nhận thấy rằng, bằng hành vi (quyết định) của bất kỳ cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang hoặc người có chức vụ (quyền hạn) nào đã xâm phạm đến các quyền và tự do của mình.

- Phạm vi những hành vi (quyết định) có thể bị công dân khiếu nại đến Tòa án là bất kỳ hành vi hoặc bất tác vi (quyết định) nào (kể cả sự cung cấp thông tin chính thức được sử dụng làm căn cứ để thực hiện hành vi (hoặc bất tác vi) hay để ban hành quyết định tương ứng) của cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang hoặc người có chức vụ (quyền hạn) nào do hành vi hay bất tác vi (quyết định) đó đã đưa đến hậu quả: a) các quyền và tự do của công dân đã bị xâm phạm; b) tạo nên sự cản trở đối với công dân trong việc thực hiện các quyền và tự do của mình; c) công dân bị buộc phải thực hiện nghĩa vụ nào đó hoặc phải chịu trách nhiệm nào đó một cách trái phép.

2. Cải cách hệ thống các cơ quan BVPL với tính chất là PHCB thứ hai của CC45TP ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ cần được triển khai theo các giải pháp đồng bộ dưới đây.

a. Ban hành Luật “Về hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật” với tính chất là một đạo luật chung có tính chất tổng hợp đề cập đến tất cả 12 loại các cơ quan trong hệ thống các cơ quan BVPL như đã nêu trên.

b. Sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức VKSND (năm 2002) và gọi tên là Luật “Về Viện Công tố ở Việt Nam” - tương ứng với

việc thực hiện chức năng cơ bản, quan trọng và riêng biệt liên quan đến hoạt động tư pháp hình sự - chức năng *truy tố*. Trong văn bản luật này cần phải điều chỉnh đầy đủ những vấn đề tổ chức và *hoạt động của tất cả các Viện công tố* (các VKSND & VKSQS hiện nay) *trên lãnh thổ cả nước* với tính chất là một hệ thống thống nhất (tránh tình trạng *thiếu thống nhất* và *thiếu đồng bộ* như hiện nay là: hệ thống VKSND thì được điều chỉnh bằng Luật, nhưng hệ thống VKSQS - lại được điều chỉnh bằng *Pháp lệnh*) nhằm đảm bảo sao cho hệ thống các cơ quan VKSND phải là *cơ quan chủ đạo, quan trọng nhất* và *đứng hàng đầu trong hệ thống của tất cả các cơ quan BVPL để phối hợp hoạt động của các cơ quan BVPL* trong cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm.

c. Ban hành Luật “Về Ủy ban điều tra của Chính phủ” (trên cơ sở sát nhập tất cả hệ thống cơ quan điều tra hiện nay với Cục điều tra của VKSNDTC hiện nay thành một hệ thống) - tương ứng với việc thực hiện chức năng cơ bản, quan trọng và riêng biệt liên quan đến hoạt động tư pháp hình sự - chức năng *điều tra*. Cơ sở khoa học - thực tiễn của sự cần thiết phải ban hành Luật này là:

- Luật này sẽ thay thế cho Luật về tổ chức điều tra hình sự năm 1989 hiện hành và trong sẽ có thể bao gồm bốn Cục chuyên môn sau: a) Cục điều tra các tội xâm phạm an ninh quốc gia; b) Cục điều tra các tội phạm trong các lực lượng vũ trang nhân dân; c) Cục điều tra các tội phạm hình sự thường và; d) Cục điều tra các tội phạm tham nhũng (để tăng cường hơn nữa cuộc đấu tranh với quốc nạn này).

- Việc thành lập một hệ thống cơ quan điều tra (CQĐT) duy nhất như vậy là dựa trên sẽ đảm bảo sự khả thi của hoạt động

điều tra với tính chất là một giai đoạn quan trọng của TTHS vì nó dựa trên các lý do sau: a) Đảm bảo tính *thống nhất* - vì nếu chỉ có một hệ thống CQĐT duy nhất, thì sẽ không còn tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi” khi mà Cục Điều tra của VKSNDTC vừa thực hiện việc điều tra các tội xâm phạm hoạt động tư pháp và lại vừa kiểm sát việc tuân theo pháp luật của chính mình; b) Đảm bảo tính *độc lập* - vì với một hệ thống CQĐT duy nhất, thì các điều tra viên sẽ không còn bị phụ thuộc vào thủ trưởng cơ quan (mà trong đó có CQĐT ấy), mà chỉ tuân theo pháp luật và hoạt động theo đúng các quy định của pháp luật về điều tra hình sự; c) Đảm bảo tính *chuyên sâu* - vì với một hệ thống CQĐT duy nhất, thì trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các điều tra viên sẽ ngày càng được nâng cao hơn và; d) Đảm bảo tính *gọn nhẹ* - vì với một hệ thống CQĐT duy nhất, thì sự chỉ đạo hoạt động điều tra hình sự trên toàn quốc sẽ đơn giản hơn, tránh được sự chồng chéo của bộ máy với nhiều tầng nấc phức tạp.

d. Ban hành Luật “*Về hệ thống các cơ quan thi hành án ở Việt Nam*” (hoặc có thể gọi là Luật “*Về Tổng cục thi hành án của Chính phủ*” để đảm bảo cho việc thi hành tất cả các loại về hình sự, dân sự, hành chính, kinh tế, lao động và các bản án liên quan đến những người chưa thành niên).

e. Ngoài ra, đối với *chín* loại cơ quan BVPL còn lại, thì cũng cần điều chỉnh bằng các văn bản *luật* (chứ không thể là Pháp lệnh hay Nghị định), mà cụ thể là cần ban hành chín (09) Luật về các cơ quan BVPL này như: 1) Luật “*Về Công an nhân dân*”; 2) Luật “*Về Thanh tra*”; 3) Luật “*Về Hải quan*”; 4) Luật “*Về Bộ tư pháp*”; 5) Luật “*Về Kiểm lâm*”; 6) Luật “*Về Cảnh sát Thuê*”; 7) Luật “*Về Kiểm toán*”; 8) Luật “*Về*

Bộ đội biên phòng” và; 9) Luật “*Về Cảnh sát biển*”.

3. Cải cách hệ thống các cơ quan BTrTP với tính chất là PHCB thứ ba của CCTP ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ cần được triển khai theo giải pháp là: ngoài Luật “*Về tổ chức Luật sư ở Việt Nam*” (đã được ban hành), phải ban hành thêm *ba* văn bản luật nữa để cập đến ba loại cơ quan BTrTP đã nêu.

4. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ và đảm bảo sự phối hợp trong hoạt động thực tiễn của hệ thống Tòa án và hệ thống các cơ quan BVPL nhằm tăng cường hơn nữa hiệu quả xét xử của Tòa án với tính chất là PHCB thứ tư của CCTP ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ cần được triển khai theo các giải pháp đồng bộ dưới đây.

a. Ban hành Bộ luật (hoặc Quy chế) “*Về đạo đức nghề nghiệp và danh dự của thẩm phán nước Cộng hòa XHCN Việt Nam*” mà trong đó cần điều chỉnh những vấn đề sau:

- Quy định các *yêu cầu* (đòi hỏi) đối với thẩm phán trong khi thừa hành nghề nghiệp của mình là: a) Chỉ tuân theo Hiến pháp và pháp luật, cũng như các quy phạm đạo đức được thừa nhận chung và quy tắc hành xử để góp phần khẳng định trong xã hội lòng tin vào công lý, sự không thiên vị & độc lập của Tòa án; b) Dành ưu tiên trước hết cho việc thực hiện hoạt động tư pháp so với các công việc khác; c) Không được quyền làm tổn hại đến uy tín nghề nghiệp hoặc thanh danh của mình vì sự vụ lợi cá nhân hoặc vì lợi ích của những người khác; d) Phải tránh tất cả những gì có thể làm giảm uy tín của quyền tư pháp, nhân cách cá nhân hoặc tạo nên sự nghi ngờ về tính khách quan và độc lập của mình trong hoạt động xét xử.

- Quy định các *quy tắc* thực hiện hoạt động nghề nghiệp của thẩm phán là: a) Không thiên vị, không để cho bất kỳ người nào (kể cả những người thân, bạn bè hay người quen) làm ảnh hưởng đến hoạt động nghề nghiệp của mình; b) Không ngừng tự hoàn thiện mình để nâng cao trình độ chuyên môn và kiến thức pháp luật nhằm phục vụ tốt cho hoạt động nghề nghiệp của bản thân; c) Phải biết kìm chế, lịch sự và tôn trọng tất cả những người có mặt tại phiên tòa khi xét xử hoặc khi thừa hành công vụ nơi công sở; d) Phải giữ bí mật nghề nghiệp đối với các thông tin biết được trong quá trình thừa hành công vụ; e) Không được bình luận hoặc phát biểu ở những nơi công cộng, qua báo chí hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác đối với các vụ án đang giải quyết trước khi có những bản án (quyết định) tương ứng có hiệu lực pháp luật; f) Ngoài phạm vi hoạt động nghề nghiệp, không được quyền công khai nói ra sự nghi ngờ đối với những bản án (quyết định) của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc đối với những hành vi của đồng nghiệp mình; g) Phải tôn trọng và thông cảm với sự thiện chí của các phương tiện thông tin đại chúng mong muốn đưa tin để làm sáng tỏ hoạt động của Tòa án, nếu sự mong muốn đó không cản trở việc tiến hành hoạt động tố tụng hoặc không nhằm mục đích gây áp lực đối với Tòa án.

b. Ban hành Luật “*Bảo vệ về mặt của Nhà nước, đảm bảo về mặt pháp lý và về mặt xã hội đối với các thẩm phán và những người có chức vụ của các cơ quan BVPL*” nhằm điều chỉnh những vấn đề liên quan đến việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe và tài sản của những người mà do việc thực hiện chức năng nghề nghiệp nên họ có thể bị đe dọa xâm hại đến an toàn cá nhân, tạo các đảm bảo thuận lợi và cần thiết về mặt pháp lý và xã hội cho họ trong hoạt động tư pháp

(nói chung) và hoạt động xét xử (nói riêng), nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác.

c. Ban hành Quy chế “*Về phối hợp hoạt động của Tòa án và các cơ quan BVPL ở Việt Nam*” để điều chỉnh mối quan hệ trong hoạt động thực tiễn của hai hệ thống các cơ quan này. Bởi lẽ, mối quan hệ của hệ thống các cơ quan tư pháp (theo nghĩa rộng) cần phải được xây dựng sao cho đó phải là *mối quan hệ tương hỗ, qua lại, bổ sung và hỗ trợ cho nhau dựa trên nguyên tắc tính tôn trọng của luật*, mà điều này được thể hiện rõ trên các bình diện như sau.

- Trong bất kỳ một NNPQ đích thực nào, hệ thống *Tòa án* (bao gồm Tòa án Hiến pháp và các tòa án chung) bao giờ cũng chiếm vị trí trung tâm với tính chất là “*linh hồn*”, là “*người bảo vệ công lý*” và là cơ quan tài phán để chuyên giải quyết các xung đột xã hội, đồng thời bảo vệ các quyền và tự do của con người và của công dân tránh khỏi sự xâm hại tùy tiện từ phía quyền lực Nhà nước.

- Nếu như hệ thống *Tòa án* chuyên thực hiện *quyền xét xử thông qua hoạt động động tố tụng tư pháp*, thì hệ thống các cơ quan BVPL chuyên thực hiện các hoạt động tương ứng để *hỗ trợ cho việc thực hiện quyền xét xử của Tòa án đạt được hiệu quả cao*, đồng thời bảo vệ chế độ hiến định, nhân thân, các quyền và tự do của con người và của công dân, cũng như hòa bình và an ninh của nhân loại, góp phần đưa các nguyên tắc được thừa nhận chung của NNPQ vào đời sống thực tế.

- Như vậy, logic của vấn đề trong mối quan hệ của hai hệ thống các cơ quan nói trên là ở chỗ: a) *Hiệu quả* của hoạt động tố tụng tư pháp (tài phán) phụ thuộc không chỉ vào chính bản thân hệ thống *Tòa án*, mà còn vào hệ thống các cơ quan BVPL, vì

các hoạt động tương ứng của hệ thống các cơ quan BVPL hỗ trợ đắc lực cho việc thực hiện quyền xét xử của Tòa án và ngược lại; b) Khi thực hiện sự kiểm tra của Tòa án đối với tính hợp hiến và hợp pháp của các văn bản pháp luật do hệ thống các cơ quan BVPL ban hành, hoạt động tố tụng tư pháp (tài phán) cũng góp phần nâng cao *chất lượng* của chính hoạt động BVPL.

5. Đổi mới và hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực tư pháp với tính chất là PHCB thứ năm của CCTP ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ cần được triển khai theo các giải pháp đồng bộ dưới đây.

a. Xác định rõ và làm sáng tỏ về mặt lý luận *các yếu tố tác động* đến chính sách pháp luật trong lĩnh vực tư pháp - yếu tố kinh tế, yếu tố xã hội, yếu tố chính trị, yếu tố văn hóa, yếu tố lịch sử, yếu tố truyền thống, yếu tố đạo đức.

b. Xác định rõ và làm sáng tỏ về mặt lý luận *các tiêu chí đánh giá pháp luật liên quan đến lĩnh vực tư pháp*, tức là các quy định của pháp luật về tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp (bao gồm cả các quy định đề cập đến đội ngũ cán bộ), hành chính, hình sự, TTHS, thi hành án hình sự (THAHS), dân sự, tố tụng dân sự (TTDS) & thương mại khi ban hành phải đảm bảo đầy đủ được các tiêu chí như: 1) Sự chặt chẽ về mặt kỹ thuật lập pháp; 2) Tính khả thi về mặt thực tiễn - sự đáp ứng được các quan hệ xã hội đang tồn tại; 3) Tính nhất quán về mặt logic pháp lý; 4) Tính pháp quyền; 5) Tính phù hợp với đạo đức và; 6) Tính nhân đạo.

c. Luận chứng một cách khách quan và xác đáng, có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục những hướng đổi mới, từ đó đưa ra các mô hình lý luận (MHLL) của các kiến giải khoa học (lập pháp) đối với việc hoàn

thiện các quy định của các ngành luật liên quan đến lĩnh vực tư pháp, cụ thể là trong những năm tới chúng ta phải khẩn trương tiến hành công tác pháp điển hóa - soạn thảo và ban hành *bảy* Bộ luật (đối với một số ngành luật đã có Pháp lệnh hay Luật điều chỉnh thì cũng cần nghiên cứu và sửa đổi, chỉnh lý và bổ sung để nâng lên cấp độ là Bộ luật) sau: 1) Bộ luật TTHS (sửa đổi); 2) Bộ luật THAHS; 3) Bộ luật về các vi phạm Pháp luật hành chính; 4) Bộ luật Tố tụng hành chính; 5) Bộ luật TTDS; 6) Bộ luật Thương mại (TM) và; 7) Bộ luật TTTM.

III. Kết luận vấn đề

Từ việc nghiên cứu một số vấn đề chung trên đây về CCTP ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ hiện nay chúng ta có đầy đủ căn cứ để đi đến một số *kết luận* như sau:

1. Những điều kiện cần thiết và quan trọng đảm bảo cho sự thành công của công cuộc CCTP nói riêng và xây dựng NNPQ nói chung ở Việt Nam hiện nay là việc thành lập Tòa án Hiến pháp để thực thi chế định kiểm tra Hiến pháp, đồng thời sự độc lập của quyền tư pháp và sự kiểm tra của nó đối với hai nhánh quyền lực khác (quyền *lập pháp* và quyền *hành pháp*), cũng như sự vận hành có hiệu quả của cơ chế *kim hãm* và *đôi trọng* với nhau của ba nhánh quyền lực đã nêu phải được tổ chức một cách, khoa học và đồng bộ nhằm góp phần biến các nguyên tắc được thừa nhận chung của NNPQ vào đời sống hiện thực.

2. Hiện nay trong KHPL Việt Nam xung quanh những vấn đề về CCTP vẫn còn nhiều quan điểm chưa thống nhất đòi hỏi phải được giải quyết về mặt lý luận để làm sáng tỏ một cách có căn cứ, xác đáng và đảm bảo sự nhận thức - khoa học đúng đắn. Chính vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu

sâu và cụ thể hơn nữa để xác định và phân tích mục tiêu, đối tượng, cũng như những PHCB và các giải pháp để thực hiện từng PHCB của công cuộc CCTP sao cho đảm bảo tính khoa học và khả thi, đồng thời đáp ứng được những điều kiện cụ thể (về kinh tế - xã hội, chính trị, văn hóa - pháp lý, lịch sử - truyền thống v.v...) của đất nước, cũng như phù hợp với các nguyên tắc và các quy phạm được thừa nhận chung của pháp luật quốc tế là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách của các nhà khoa học - luật gia của Tổ quốc trong giai đoạn xây dựng NNPQ Việt Nam hiện nay.

3. Trong quá trình xây dựng NNPQ ở Việt Nam việc tham khảo kinh nghiệm

thực tiễn về CCTP của các NNPQ tại một số nước văn minh và phát triển cao trên thế giới trong thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX. Những năm đầu thế kỷ XXI là việc làm cần thiết để góp phần đưa đến thành công của công cuộc CCTP ở nước ta. Chẳng hạn như, kinh nghiệm của các nước này cho thấy, việc tôn trọng và bảo vệ các quyền, tự do của con người với tính chất là các giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại nếu như không được bảo vệ bằng hệ thống Tòa án công minh, độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, thì cũng không thể nói gì đến sự thành công của CCTP và xây dựng NNPQ ở Việt Nam hiện nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Nghị quyết số 08/TW*, Nghị quyết của Bộ chính trị cải cách Tư pháp.
2. *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002* (sửa đổi), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
3. *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002* (sửa đổi), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, ECONOMICS-LAW, T.XIX, N_o3, 2003

JUDICIARY REFORM IN VIETNAM IN THE PROCESS OF BUILDING A LAW – BASED STATE: GENERAL ISSUES

Dr. Sc. Le Cam

Faculty of Law, Vietnam National University, Hanoi

This paper attempts to examine some general issues concerning judiciary reform in Vietnam in the process of building a law - based state. On the basis of a scientific analysis of the relevant problems, the author explicates concepts such as “objective” and “object”. He also suggests some essential directions for the judiciary reform and offers possible solutions to implementing effectively these directions in Vietnam.